TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2022.
"V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Võ Ánh Sửu

Ông: Hoàng Tuyển

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11/10/2021 về việc "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Bích Th - sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Mai Đình Đ - sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị Bích Th trình bày:

Chị Đinh Thị Bích Th và anh Mai Đình Đ tự nguyện về chung sống với nhau từ 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Đến nay cảm thấy không còn tình cảm với nhau chị Th yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Mai Đình Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Đinh Thị Bích Th và

anh Mai Đình Đ có 01 con chung là Mai Đình Ng - sinh ngày 18/10/2012.

Chị Đinh Thị Bích Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Mai Đình Ng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng Mai Đình Đ vẫn vắng mặt nên Toàn án không ghi nhận được ý kiến của anh Mai Đình Đ về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th. Tại phiên tòa, anh Đức vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thu tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị Thảo khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bích Th về việc ly hôn với anh Mai Đình Đ . Về con chung: đề nghị giao con chung cho chị Thảo trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Đinh Thị Bích Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Mai Đình Đ là "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Mai Đình Đ đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng anh Mai Đình Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Đinh Thị Bích Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vây, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Bích Th và anh Mai Đình Đ chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyển 01 ngày 16/4/2012 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của chị Th, cũng như xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị Th, anh Đ sinh sống, đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị Th và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, anh Đ và chị Th không còn chung sống với nhau , hai người đã ly thân một thời gian lâu . Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Thảo và anh Đức ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc chị Thảo yêu cầu ly hôn với anh Đức là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Th và anh Đ đã có với nhau 01 con chung là Mai Đình Ng - sinh ngày 18/10/2012.

Nguyện vọng của chị Th là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Mai Đình Ng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đức phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Mai Đình Ng có nguyện vọng ở với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý chí của mình về quan hệ hôn nhân và giải quyết về con chung. Mặt khác, con chung Mai Đình Ng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó cần thiết giao con chung là cháu Mai Đình Ng cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của chị Th, cháu Ng và đảm bảo quyền lợi của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bích Th . Chị Đinh Thị Bích Th được ly hôn với anh Mai Đình Đ.

- Về con chung: Giao con chung Mai Đình Ng - sinh ngày 18/10/2012 cho chị Đinh Thị Bích Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Mai Đình Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản

trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh Thị Bích Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số 60AA/2021/0000420 ngày 07/10/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện E;*
- *Thi hành án huyện E;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;*
- *UBND xã N, E;*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Đã ký tên đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy